

Đơn vị: VĂN PHÒNG TỈNH ỦY
Chương: 509

(Biểu số 1 Ban hành kèm theo
Quy định số 3869-QĐ/VPTW, ngày 21/6/2022 của VPTW)

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số -QĐ/VPTU ngày /12/2025 của Văn phòng Tỉnh ủy)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Cấp ủy và Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị dự toán cấp 3)	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	UBKT Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Ban Nội chính Tỉnh ủy	ĐU các cơ quan Đảng tỉnh
I	Tổng số thu tại đơn vị	326.308.474	326.308.474	200.905.025	49.816.339	16.247.167	35.854.565	13.660.179	9.825.199
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động	450.000	450.000						450.000
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp								
3	Thu khác								
4	Kinh phí ngân sách NN cấp theo dự toán	325.564.000	325.564.000	200.905.025	49.816.339	16.247.167	35.854.565	13.660.179	9.080.725
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	88.318.000	88.318.000	25.034.075	11.007.053	14.095.843	20.566.954	11.198.000	6.416.075
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	237.246.000	237.246.000	175.870.950	38.809.286	2.151.324	15.287.611	2.462.179	2.664.650
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	294.474	294.474	0				0	294.474
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
c	Nguồn đảng phí (kinh phí không tự chủ)	294.474	294.474						294.474
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	326.308.474	326.308.474	190.566.585	49.097.990	15.733.479	34.341.432	13.052.099	8.687.415
1	Chi quản lý hành chính	326.308.474	326.308.474	190.566.585	49.097.990	15.733.479	34.341.432	13.052.099	8.687.415
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	84.919.000	84.919.000	23.887.075	10.655.053	13.735.843	19.686.954	10.758.000	6.196.075
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	226.560.000	226.560.000	166.679.510	38.442.937	1.997.636	14.654.478	2.294.099	2.491.340

1.3	Chi tính giảm biên chế	0	0						
1.4	Thực hiện tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	14.085.000	14.085.000	10.338.440	718.349	513.688	1.513.133	608.080	393.310
1.5	Kinh phí khác	744.474	744.474						744.474
2	Nghiên cứu khoa học								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình								

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Phạm Thị Minh Đức

PP. TÀI CHÍNH ĐẢNG



Lê Thủy Thùy Vân



PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Từ Thiên Tú

Đơn vị: **VĂN PHÒNG TỈNH ỦY**
 Chương: **509**

(Biểu số 2 ban hành kèm theo Quy định số 3869- QĐ/VPTW
 ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng)

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
 (Kèm theo Quyết định số - QĐ/VPTU ngày /12/2025

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu tại đơn vị	326.308.474
1	Thu đảng phí được cân đối chi hoạt động	450.000
2	Thu từ hoạt động sự nghiệp	-
3	Thu khác	
4	Kinh phí NSNN cấp theo dự toán	325.564.000
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	88.318.000
4.2	Kinh phí không tự chủ	237.246.000
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	294.474
5.1	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	
	- <i>Kinh phí khoán</i>	
	- <i>Kinh phí nhiệm vụ đặc thù</i>	
	- <i>Kinh phí MSSC tài sản</i>	
5.2	<i>Kinh phí không tự chủ</i>	
5.3	Nguồn đảng phí (Kinh phí không tự chủ)	294.474
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	326.308.474
1	Chi quản lý hành chính	326.308.474
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	84.919.000
1.2	Kinh phí không tự chủ	226.560.000
1.3	Thực hiện tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	14.085.000
1.4	Kinh phí khác	744.474
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	KP thực hiện nhiệm vụ KHCN	-
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	-
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	-
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	-
2.2	KP nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
4	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
		
11	Chi Chương trình mục tiêu	-
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	-
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	
11.2		

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Phạm Thị Minh Đức

PP TÀI CHÍNH ĐẢNG



Lê Thụy Thùy Vân

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Từ Thiên Tú